TẠP CHÍ KHOA HỌC ĐẠI HỌC CỬU LONG

https://tapchikhdhcl.edu.vn
https://vjol.info.vn/index.php/dhcl

P-ISSN 3093-3196
E-ISSN 3093-3226

THUYẾT HẬU NHÂN BẢN: TIỀM NĂNG LÝ THUYẾT VÀ KHẢ NĂNG MỞ RỘNG BIÊN ĐỘ PHÊ BÌNH CHO VĂN XUÔI VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI

POSTHUMANIST THEORY: THEORETICAL POTENTIAL AND THE EXPANSION OF CRITICAL BOUNDARIES FOR CONTEMPORARY VIETNAMESE PROSE

Lê Thị Nga
Trường Đại học Sài Gòn
Email: lethinga15@gmail.com

DOI: https://doi.org/10.65934/mkusj.2026.03-e.1034
Ngày nhận bài: 08/05/2026 *Ngày phản biện: 28/05/2026* *Ngày duyệt bài: 28/09/2026*

TÓM TẮT

Nghiên cứu văn xuôi Việt Nam đương đại đang ngày càng được mở rộng với các khung lý thuyết tân tiến. Bài viết này đề xuất một cách tiếp cận văn xuôi Việt Nam từ góc nhìn Hậu nhân bản. Khởi đi từ sự khủng hoảng của chủ nghĩa nhân bản truyền thống trước các thảm họa sinh thái và sự đứt gãy căn tính, bài viết vận dụng các quan điểm của Francesca Ferrando, Rosi Braidotti và N. Katherine Hayles để làm rõ ba chiều kích: hậu duy nhân trung tâm luận, hậu nhị nguyên luận và đạo đức cộng sinh. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, việc giải mã văn xuôi Việt Nam đương đại dưới lý thuyết hậu nhân bản góp phần vượt qua những giới hạn của phê bình xã hội học hay hình thức chủ nghĩa truyền thống, từ đó mở rộng biên độ phê bình, làm nổi bật tiếng nói của các thực thể phi nhân, những chấn thương sinh thái và sự tái thiết lập chủ thể du cư trong kỷ nguyên số.

Từ khóa: *đạo đức cộng sinh, Hậu nhân bản, hậu duy nhân trung tâm luận, thực thể phi nhân, văn xuôi Việt Nam đương đại.*

ABSTRACT

Contemporary Vietnamese literary studies are increasingly expanding through the adoption of innovative theoretical frameworks. This article proposes a Posthumanist reading of Vietnamese prose. Premised on the crisis of traditional humanism in the face of ecological catastrophes and identity ruptures, the study draws upon the perspectives of Francesca Ferrando, Rosi Braidotti, and N. Katherine Hayles to examine three critical dimensions: post-anthropocentrism, post-dualism, and symbiotic ethics. The research demonstrates that decoding contemporary Vietnamese prose via Posthumanist theory transcends the constraints of sociological criticism and conventional formalism, thereby broadening critical boundaries and foregrounding the agency of non-human entities, ecological trauma, and the reconfiguration of the nomadic subject in the digital age.

Keywords: *symbiotic ethics, Posthumanism, post-anthropocentrism, non-human entities, contemporary Vietnamese prose.*

MỞ ĐẦU

Kỷ nguyên số đã mở ra cho nhân loại nhiều cơ hội để nghiên cứu và phát triển, đồng thời cũng đặt con người trước những thách thức của sự khủng hoảng sinh thái, rạn nứt căn tính, chấn thương lịch sử - xã hội… Trong bối cảnh đó, văn học với sứ mệnh phản ánh hiện thực đã và đang đứng trước yêu cầu tái thiết cách viết, cách kể và cách tiếp nhận. Ở Việt Nam, cùng với sự phát triển của công nghệ số, những năm đầu thế kỷ XXI, giới nghiên cứu bắt đầu tìm hướng giải cấu trúc các đại tự sự. Lúc này, thuật ngữ hậu thực dân và các nền tảng lý thuyết liên quan đến hậu nhân bản bắt đầu được nhắc đến nhiều hơn.

Từ những năm 2010 trở đi, thông qua các nghiên cứu về chủ nghĩa hậu hiện đại, hậu thực dân, chủ nghĩa hậu nhân bản mới được tiếp cận trực tiếp. Các bài viết liên quan đến lý thuyết này cũng xuất hiện nhiều hơn. Đặc biệt, từ 2022 đến nay, các nghiên cứu của tác giả Võ Quốc Việt đã góp phần hệ thống hoá lý thuyết hậu nhân bản trong dòng chảy học thuật Việt Nam. Trong giai đoạn 2023-2024, với một loạt tiểu luận và báo cáo nghiên cứu chuyên sâu về AI, quyền lực và sự dịch chuyển từ hậu nhân luận sang phê bình hậu nhân, tác giả đã dựng lên một bộ khung lý thuyết vững chãi, phá vỡ những giới hạn cũ kỹ của chủ nghĩa nhân văn truyền thống. Bài báo về

"Chấn thương hậu nhân bản" vào tháng 10 năm 2025 đã cho thấy tính đột phá cả về tư duy lẫn phương pháp luận của Võ Quốc Việt. Thông qua việc đề xuất một mô hình "liên thuyết", tác giả đã khéo léo kết hợp giữa lý thuyết chấn thương vốn đã quen thuộc với những biến đổi bản thể luận của kỷ nguyên hậu nhân bản để giải quyết những đứt gãy phức tạp của xã hội đương đại. Từ cái nhìn mới mẻ này, có thể thấy một sự thấu cảm sâu sắc dành cho những thực thể đang phải chịu đựng những "vết thương" mới trong thế giới vướng víu giữa người và máy.

Tiếp tục nỗ lực của Francesca Ferrando trong việc đề xuất hậu nhân bản luận hiện sinh như khớp nối giữa lý thuyết và thực tiễn công nghệ mới nổi hiện nay, Võ Quốc Việt đã ra mắt chuyên khảo *Dẫn nhập Hậu nhân bản luận hiện sinh*. Theo nhà nghiên cứu Phan Mạnh Hùng: "chuyên khảo đã đáp ứng thúc bách trực diện của đời sống hiện nay, hồi đáp những bận tâm của con người trong quá trình trải nghiệm công nghệ theo những cách đa dạng riêng biệt" (Việt, 2026, tr.6). Nhìn lại toàn bộ tiến trình, có thể khẳng định rằng thông qua hệ thống nghiên cứu của Võ Quốc Việt, lý thuyết hậu nhân bản tại Việt Nam đã thoát ly khỏi những diễn ngôn rời rạc để đạt đến một cái nhìn toàn diện, đa chiều và có tính ứng dụng cao. Đặc biệt, hướng tiếp cận liên thuyết về chấn thương đã mở ra một "vùng xám" đầy triển vọng cho phê bình văn học. Ở đó, con người không còn là trung tâm độc tôn. Con người sẽ tìm thấy một cách hiện hữu mới mẻ và bền vững hơn giữa những đổ vỡ của thời đại công nghệ số. Tiếp nhận lý thuyết hậu nhân bản, chúng ta vừa đóng vai trò là độc giả đang đọc về một lý thuyết mới, vừa giữ vai trò là người đồng sáng tạo, cùng tác giả tham gia vào một cuộc tỉnh thức về vị thế của nhân loại trong tương lai.

Có thể thấy, việc đề xuất một hệ hình lý thuyết góp phần giải mã sự tương tác giữa con người và các thực thể phi nhân trong bối cảnh hậu nhân bản là một khoảng trống học thuật cần được tập trung nghiên cứu và đào sâu. Hậu nhân bản là dòng lý thuyết bắt nguồn từ phương Tây, việc ứng dụng lý thuyết tân tiến này trong nghiên cứu văn học Việt Nam đương đại cho thấy những chuyển biến tư tưởng mới trong nghiên cứu văn học ở nước ta. Soi chiếu từ lý thuyết hậu nhân bản, con người có cơ hội nhìn nhận lại vị thế của mình trong mang lưới vật chất đa chiều.

Nghiên cứu đã sử dụng phối hợp các phương pháp sau:

Phương pháp liên ngành: đây là phương pháp chủ đạo. Bài viết kết hợp các lý thuyết như: Hậu nhân bản, phê bình sinh thái và phân tâm học… để giải mã các tầng sâu tâm lý, sinh thái, căn tính con người. Từ đó, nghiên cứu mang đến cái nhìn đa chiều về vị thế, mối quan hệ giữa nhân loại - phi nhân loại trong bối cảnh kỷ nguyên số.

Phương pháp phân tích - tổng hợp: phương pháp này được sử dụng để bóc tách các biểu hiện cụ thể của lý thuyết Hậu nhân bản trong tác phẩm. Từ những phân tích đó, nghiên cứu đưa ra những nhận định về xu hướng vận động của tiểu thuyết Việt Nam đương đại, đồng thời cho thấy khả năng vận dụng kết nối lý thuyết mới với thực tiễn sáng tác văn học đường đại.

Phương pháp hệ thống - cấu trúc: phương pháp này cho phép nghiên cứu đặt tác phẩm trong hệ thống vận động chung của văn học Việt Nam trong kỷ nguyên số, đồng thời, ghi nhận sự thay đổi trong quan niệm nghệ thuật về con người và cách thức mà các nhà văn tái cấu trúc thực tại thông qua lăng kính hậu nhân bản.

1. Sự giải trung tâm con người và sự trỗi dậy của các thực thể phi nhân

Trong chủ nghĩa nhân văn truyền thống, mô hình "người Vitruvius" - hình ảnh người đàn ông da trắng, khoẻ mạnh được xem là một tuyệt tác, khuôn mẫu cho vẻ đẹp con người. Đồng thời, các nhà nghiên cứu thuộc chủ nghĩa nhân văn cho rằng đây là hình mẫu trung tâm và các cơ thể khác biệt, kể cả phụ nữ hay các loài khác đều nằm ngoài chuẩn mực của sự hoàn hảo. Sự "ảo tưởng" về vị trí độc tôn của con người đã bị giới nghiên cứu hậu nhân bản phá vỡ và cho là hẹp hòi, cứng nhắc. Rosi Braidotti hay Francesca Ferrando - hai nhà nghiên cứu thuộc chủ nghĩa hậu nhân bản đã đề cao sự "du cư" và "lai ghép". Trong *The Posthuman*, Rosi Braidotti cho rằng: "bước ngoặt hậu nhân bản thể hiện ở sự sụp đổ trên lịch trình phát triển của nhân bản luận vốn lấy nam tính trung tâm và châu Âu trung tâm" (Việt, 2026, tr. 34).

Các nhà nghiên nghiên cứu hậu nhân bản đã nhìn thấy những cơ hội mới trong việc nhìn nhận, định vị vị trí con người trong xã hội đương đại. Chúng ta sẽ trở thành ai và trở thành người

như thế nào trong một thế giới đầy sự vướng víu? Đặc biệt, với việc xoáy sâu vào nghĩa lý hiện hữu của hiện tượng người, Francesca Ferrando đã: "đẩy thuyết hậu nhân bản cũng như bước ngoặt hậu nhân bản về phía hậu nhân bản luận triết lý. Từ đây bà xoáy vào nghĩa lý hiện hữu để phác thảo và đề xuất hậu nhân bản luận hiện sinh" (Việt, 2026, tr.36 -37). Những kết nối lý thuyết trong nghiên cứu của Ferrando đã dẫn dắt người đọc đến với con đường thực hành tâm linh và hướng đến thức tỉnh hậu nhân bản.

Trong văn xuôi Việt Nam đương đại, vị thế độc tôn của con người cũng được các nhà văn viết lại. Nguyễn Ngọc Tư thông qua *Biên sử nước* đã tiến hành "giải phẫu" triệt để vị thế trung tâm của con người. Sự trỗi dậy của các thực thể phi nhân đã đẩy chủ thể người vào trạng huống bất lực. Minh chứng điển hình chính là hình tượng nước với quyền năng phi lý. Dòng nước quỷ dị khởi phát từ một cái vòi nước gia đình chị Tuỳ, thực thể này đã nhanh chóng vượt thoát khỏi sự kiểm soát của con người và vô hiệu hóa mọi nỗ lực kỹ trị. Dù người dân xung quanh đã huy động các biện pháp từ thủ công như bịt túi ni-lông, giẻ lau đến việc đổ bê-tông: "Họ bịt miệng ống bằng những túi ni-lông, giẻ lau, tấm xốp, được một lúc thì vật cản trôi mất. Họ thử đổ bê-tông vô đó nhưng bê-tông nhanh chóng mủn ra. Họ chặn dòng nước bằng tay nhưng rồi cũng bỏ cuộc" (Tư, 2020, tr.47) nhưng mọi nỗ lực khống chế của con người đều thất bại trước sức mạnh phi lý của nước, buộc ngay cả chính quyền tỉnh cũng phải đầu hàng.

Chưa dừng lại ở đó, sự trỗi dậy của các thực thể phi nhân còn được Nguyễn Ngọc Tư sáng tạo ấn tượng khi cho nước thâm nhập vào cấu trúc sinh học, tạo nên những "thân thể xuyên thấu" xóa nhòa ranh giới giữa người và tự nhiên. Hình ảnh đứa trẻ "rịn nước" hay cơ thể các nhân vật "ngấm vị muối", "nhễ nhại mồ hôi mặn" như sắp "tan thành nước" là minh chứng cho việc con người trở thành một phần trong mạng lưới vật chất chung. Có thể thấy, đây là một chi tiết đặc trưng cho thấy sự hòa nhập giữa cơ thể người và nguyên tố nước, một ẩn dụ về sự biến đổi của nhân loại trong thế giới nghệ thuật của Nguyễn Ngọc Tư.

Đặc biệt, cảnh nhân vật tôi bị tước đoạt các vật chất quyền năng đã cho thấy con người rơi vào trạng thái vô hình và chỉ có thể tìm thấy sự giải thoát thông qua quá trình biến đổi thân xác. Giấc mơ mọc cánh hay sự "trở nên-động vật" như một nỗ lực sinh học để thích nghi khi trật tự nhân văn cũ đã hoàn toàn sụp đổ dưới đáy nước.

Như vậy, có thể nói trong thế giới hậu nhân bản, vị trí trung tâm của con người không còn. Nhân loại được đặt trong một mối quan hệ tương liên với các loài khác. Và con người cần đập tan "ảo tưởng" về sự độc tôn, thống trị của chính mình với thế giới để có sự định vị chính xác và khiêm tốn hơn. Từ đó có thể tồn tại hoà hợp với các loài khác.

2. Sự xóa nhòa các ranh giới nhị nguyên và cấu trúc chủ thể lai ghép

Không còn bị giới hạn trong tư duy nhị nguyên luận truyền thống, các nhà nghiên cứu hậu nhân bản đã thực hiện một cuộc giải cấu trúc triệt để ranh giới vốn phân chia con người với thế giới vật chất và tự nhiên. Sự sụp đổ của các cặp đối lập truyền thống: tự nhiên/văn hóa, con người/máy móc, thể xác/tâm trí đã làm tan rã tính chủ thể của bản thể nhân loại đồng thời khơi mở sự trỗi dậy của các thực thể lai ghép. Đây chính là "không gian" tái định nghĩa căn tính nhờ vào sự tương tác giữa con người và mạng lưới đa loài. Nổi bật với tư tưởng về con người hậu nhân bản của N. Katherine Hayles (1997, trích dẫn bởi Yên, 2025) cho rằng: "cơ thể con người hoàn toàn sẵn sàng cải thiện bằng các bộ phận giả hoặc thông qua các can thiệp sinh học (như liệu pháp gen) và cuối cùng và quan trọng nhất là cấu hình con người sao cho có thể khớp nối liền mạch với các máy móc thông minh" (tr. 726). Việc mở rộng quan niệm tác nhân đã góp phần "phá vỡ và xuyên vượt tình thế nhị nguyên: tự nhiên-văn hoá, hữu sinh-vô sinh, nhân loại-phi nhân loại" (Việt, 2026, tr. 38). Nó là: "sự giải cấu trúc để phá vỡ rồi vượt qua tính trung tâm, tính duy chủ, tính trưởng thượng, tính ưu việt và tính ngoại lệ người" (Việt, 2026, tr.38).

Trong tiểu thuyết *Dị bản* của Nguyễn Đình Khoa, nhân vật Phúc Giang trở thành một thực thể điển hình cho sự giải cấu trúc bản thể người thông qua sự can thiệp cơ giới và kỹ thuật số. Sự cố tai nạn cầu đường ngoài việc được xem là một thảm kịch của cá nhân Phúc Giang thì nó còn được xem là một cột mốc xóa sổ một chủ thể hữu cơ thuần túy, nhường chỗ cho sự trỗi dậy của một cấu trúc lai ghép. Khi bộ não rơi vào trạng

thái chết lâm sàng, sự tồn tại của Giang đã thoát ly khỏi các quy luật sinh học tự nhiên để được tái thiết lập bởi các thực thể phi-nhân: từ hệ thống của Robot đến trí tuệ nhân tạo Lucy - sản phẩm từ tham vọng của Frank. Những chấn thương khốc liệt về cả thể xác lẫn tâm hồn mà Giang phải chịu đựng sau cuộc cấy ghép là biểu hiện của chấn thương hậu tai nạn. Đó cũng là kết quả từ nứt vỡ căn tính khi phần "người" còn sót lại của Giang buộc phải cộng sinh với hệ điều hành phi nhân loại để có thể tồn tại. Ở đây, sự sống của Phúc Giang không còn là diễn ra theo trình tự tự nhiên của thực thể sinh học. Giang đã trở thành hiện thân lệ thuộc, được bảo trợ hoàn toàn bởi công nghệ. Anh tồn tại như một minh chứng sắc lạnh cho việc ranh giới giữa người và máy đã bị xóa sổ.

Tuy nhiên, ở một góc nhìn khác, chúng ta cũng có thể hiểu rằng: "Con người có thể tham gia vào mối quan hệ cộng sinh với máy móc hoặc bị chúng thay thế, nhưng họ không thể hoàn toàn đồng nhất với chúng" (Yên, 2025). Sự hiện diện của các thực thể phi nhân trong cấu trúc sinh học của con người tạo ra sự đứt gãy và sự kháng cự âm thầm từ bản thể gốc. Sự vật lộn giữa mớ ký ức hỗn độn của nhân vật Phúc Giang như một quá trình nỗ lực lấp đầy khoảng trống bản thể. Và sự cộng sinh với máy móc chính là sự tái thiết căn tính của nhân vật. Đặc biệt, khi nhìn nhận sự cộng sinh giữa con người và máy móc đó là vướng víu qua lại chứ không hoàn toàn đồng nhất, chúng ta thấy được tính chất bi kịch của chủ thể hậu nhân bản. Chính sự vướng mắc này đã để nhân vật tồn tại trong sự chông chênh và lệ thuộc trong một thực thể đầy sự rạn nứt, chắp vá.

Từ đó, có thể thấy rằng trong kỷ nguyên số, con người cần chấp nhận việc tồn tại một căn tính lai ghép đầy khiếm khuyết. Ở đó, con người vừa cộng sinh, vừa phải không ngừng đối diện với sự lạ lẫm của chính những phần phi nhân đang vận hành bên trong mình. Sự không đồng nhất mà Ngu Yên đề cập có thể xem là ranh giới đạo đức cuối cùng, ngăn chặn sự tan rã hoàn toàn của cái "tôi" trước sức phát triển không ngừng của các thực thể phi nhân loại.

3. Đạo đức cộng sinh và sự định vị chủ thể du cư trước chấn thương sinh thái

Hệ hình hậu nhân bản đã đề xuất một sự tái cấu trúc căn bản về các chuẩn mực đạo đức, vượt ra ngoài phạm vi hẹp hòi của chủ nghĩa nhân văn truyền thống với tư tưởng của Rosi Braidotti về khả năng tồn tại và tương tác liên loài. Ở đó, đạo đức cộng sinh trở thành một phương thức hiện tồn tất yếu. Và con người phải học cách chia sẻ trách nhiệm, đau cùng nỗi đau với thế giới vật chất. Ở góc nhìn này, có thể hiểu, đạo đức xuất phát từ chính việc con người dám nhìn thẳng vào mối quan hệ giữa nhân và phi nhân, chấp nhận những đứt gãy và tổn thương chung. Đặc biệt, thừa nhận sự bình đẳng giữa con người và các loài khác: "một sự dịch chuyển về chất lượng của mối quan hệ, từ chủ nghĩa phân biệt loài sang sự đánh giá đạo đức về những gì mà các cơ thể (con người, động vật, những loài khác) có thể làm được" (Braidotti, 2013).

Trong *Biên sử nước*, Nguyễn Ngọc Tư đã phác thảo một không gian cho sự nảy nở của đạo đức cộng sinh và lối sống du cư về mặt tâm thức. Sự trỗi dậy của môi trường sống (nước) đã cho thấy sự đứt gãy bản thể. Đứng trước thảm họa, con người ban đầu rơi vào trạng thái tuyệt vọng, mù quáng bám víu vào các hình thức đức tin đã mục nát. Tuy nhiên, chính sự bám víu vào các niềm tin cũ kỹ không thành đã buộc chủ thể phải từ bỏ cái tôi tĩnh tại để bước vào "một cuộc trôi vĩ đại" (Tư, 2020, tr.59). Con người lúc này nhận thức được quan trọng không phải là tập trung khôi phục lại trật tự cũ mà cần chấp nhận trạng thái bất định để tìm kiếm một phương thức tồn tại mới. Bởi, trong thế giới mới, những niềm tin cũ, trật tự cũ vốn đã hoàn toàn sụp đổ.

Đặc biệt, hình ảnh nhân vật nằm mơ mọc cánh: "đôi cánh bắt đầu bằng tách giẻ sườn thứ hai và ba ra cho đến khi những sợi lông lợp dày... Chưa lần nào tôi kịp bay trong giấc mơ ấy" (Tư, 2020, tr.61) chính là một nỗ lực tiến hóa mang tính sinh học nhằm thích nghi với một thế giới đã bị xâm chiếm bởi nước. Soi chiếu dưới lý thuyết của Rosi Braidotti, nhân vật tôi hiện lên như những chủ thể du cư - những thực thể luôn trong trạng thái "trở nên" thay vì cố hữu. Sự "trở nên-động vật" này đã xóa nhòa ranh giới loài để phản kháng lại cái chết và sự phi lý.

Mặt khác, nghiên cứu chỉ ra rằng văn xuôi Việt Nam đang hướng tới một đạo đức cộng sinh mới. Con người bước đầu chấp nhận từ bỏ vị thế thống trị để thừa nhận sự bình đẳng với các thực

thể khác. Có thể nói, đạo đức này hình thành từ việc chia sẻ nỗi đau và trách nhiệm chung giữa muôn loài. Hệ giá trị mới này thiết lập một trạng thái tồn tại nơi con người. Trong kỷ nguyên số đầy biến động, việc cộng sinh giữa các loài góp phần tạo nên một thế giới hoà hợp, bền vững.

KẾT LUẬN

Lý thuyết hậu nhân bản là một trong những dòng lý thuyết tân tiến, phù hợp với xu thế nghiên cứu phê bình trong thời đại số. Việc giải mã văn xuôi Việt Nam đương đại dưới các nền tảng lý thuyết này là một bước tiến nhằm giải mã tác phẩm đã góp phần mở rộng biên độ phê bình hướng tới tư duy nghệ thuật và đạo đức sinh thái.

Nhìn chung, văn xuôi Việt Nam vẫn duy trì khuynh hướng nhân tâm luận, song đồng thời đã xuất hiện những nỗ lực bước đầu nhằm phá vỡ tính độc quyền của vị thế con người. Thay vì đặt nhân loại làm trung tâm của mọi thang đo giá trị, một số tác phẩm đã định vị lại quyền năng của các thực thể phi nhân, buộc con người phải thừa nhận sự hiện hữu tự thân và quyền tác động của thế giới ngoài con người. Nghiên cứu đã làm rõ sự tan rã của các ranh giới nhị nguyên truyền thống để nhường chỗ cho những cấu trúc chủ thể lai ghép. Sự cộng sinh giữa cơ thể sinh học với máy móc và trí tuệ nhân tạo đã xóa nhòa vách ngăn giữa người/máy và người/tự nhiên. Những cấu trúc lai ghép này là biểu hiện của một căn tính mới: một bản thể không nhất thể, luôn biến đổi và phụ thuộc vào mạng lưới tương tác đa loài. Ngoài ra, việc nhận diện chủ thể du cư và đạo đức cộng sinh đã mở ra một phương thức phản kháng mới trước các chấn thương bản thể. Trong một thế giới đầy đứt gãy, sự giải thoát của con người nằm ở khả năng "trở nên" và chấp nhận sự hòa tan vào dòng chảy chung của hệ sinh thái.

Vận dụng lý thuyết hậu nhân bản đã góp phần vượt qua những giới hạn của phê bình xã hội học hay hình thức chủ nghĩa truyền thống, cho phép nghiên cứu chạm tới những vấn đề triết học cốt lõi của nhân loại trong thiên niên kỷ mới. Trong không gian đó, con người học cách từ bỏ ảo tưởng thống trị để bước vào một tương lai cộng sinh, sẻ chia nỗi đau và trách nhiệm với toàn bộ thế giới vật chất quanh mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Braidotti, R. (2013). *The posthuman*. Polity Press.

Khoa, Đ. N. (2023). *Dị bản*. Nxb Trẻ.

Tư, N. N. (2020). *Biên sử nước*. Nxb Phụ nữ.

Vân, H. T. (2026, ngày 21 tháng 2). Văn học hậu nhân loại: Khi con người không còn là thước đo duy nhất. *Báo Công an Nhân dân: Văn nghệ Công an*. https://vnca.cand.com.vn/dien-dan-van-nghe-cong-an

Việt, Q. V. (2025). Chấn thương hậu nhân bản: Liên thuyết và khả năng vận dụng. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 28*(10), 1756–1767. https://journal.hcmue.edu.vn

Việt, Q. V. (2026). *Dẫn nhập Hậu nhân bản luận hiện sinh*. Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

Yên, N. (Dịch & Biên tập). (2025). *Lý thuyết văn học Tây phương: Thực hành phê bình (Cuốn 2): Lý thuyết văn học nền tảng cho phê bình*. Escaped Publishing.